

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2020
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2020**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2020 ĐẾN 30/06/2021)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		579.846.071.603	584.148.780.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	1	35.154.318.567	21.977.130.971
1. Tiền		111		35.154.318.567	21.977.130.971
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		326.726.844.428	367.504.207.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	2	10.120.796.851	70.101.753.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	3	239.317.808.933	222.124.045.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Các khoản phải thu khác		136	4	92.130.498.261	90.120.668.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	5	(14.842.259.617)	(14.842.259.617)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		199.980.011.565	191.393.727.287
1. Hàng tồn kho		141	6	203.259.630.707	194.673.346.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		(3.279.619.142)	(3.279.619.142)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		17.984.897.043	3.273.714.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	7	17.984.897.043	3.273.714.487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.609.635.925.150	1.605.172.194.888
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		14.085.024.989	14.820.024.989
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	8	14.085.024.989	14.820.024.989
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.089.295.029.655	1.040.512.478.687
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.049.253.371.477	1.009.786.821.483
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.676.958.728.254	2.630.044.445.073
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.627.705.356.777)	(1.620.257.623.590)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	10	40.041.658.178	30.725.657.204
	<i>Nguyên giá</i>	228		50.891.831.289	41.498.657.235
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.850.173.111)	(10.773.000.031)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		218.491.419.922	262.606.740.765
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	218.491.419.922	262.606.740.765
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		254.127.382.291	254.127.382.291
1.	Đầu tư vào công ty con	251	12.1	217.408.989.928	217.408.989.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12.2	36.500.000.000	36.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12.3	5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12.4	(35.032.753.437)	(35.032.753.437)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	12.3	30.000.000.000	30.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		33.637.068.293	33.105.568.156
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	33.637.068.293	33.105.568.156
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.189.481.996.753	2.189.320.975.559

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		667.436.923.037	671.561.413.329
I. Nợ ngắn hạn		310		577.800.823.787	582.666.092.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	14	61.257.050.351	105.492.166.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	15	40.327.756.668	10.521.680.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	16	10.098.860.492	13.584.825.196
4. Phải trả người lao động		314		4.108.066.116	12.678.607.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	17	17.775.207.452	7.064.402.937
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	18	9.151.327.512	13.526.367.061
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	19	434.885.413.373	418.867.015.964
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	20	197.141.823	931.026.027
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		89.636.099.250	88.895.321.209
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		41.453.260.093	39.218.905.093
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	21	2.735.000.000	3.470.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	18	45.447.839.157	46.206.416.116

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.522.045.073.716	1.517.759.562.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.491.280.518.412	1.489.628.322.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		577.724.410.652	577.724.410.652
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.251.386.976	64.599.191.221
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		64.599.191.246	6.862.592.204
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.652.195.730	57.736.599.018
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		30.764.555.304	28.131.239.573
1. Nguồn kinh phí	431	22	8.627.163.299	5.340.121.039
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	23	22.137.392.005	22.791.118.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.189.481.996.753	2.189.320.975.559

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I - Từ ngày 01/07/2020 đến 30/09/2020

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.181.610.698	188.237.245.405
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.181.610.698	188.237.245.405
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	116.414.728.471	168.952.011.554
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.766.882.227	19.285.233.851
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	634.170.216	284.042.931
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	6.221.970.537	7.185.434.329
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.910.891.653	6.940.985.517
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.277.879.490	4.128.480.811
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.043.694.753	6.914.138.733
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.857.507.663	1.341.222.909
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	16.767.900	17.360.962
12.	Chi phí khác	32	VI.8	843.315.296	38.324.481
13.	Lợi nhuận khác	40		(826.547.396)	(20.963.519)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.030.960.267	1.320.259.390
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		378.764.537	198.038.909
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.652.195.730	1.122.220.481

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 9 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 1/7/2020 đến 30/9/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.030.960.267	1.320.259.390
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.524.906.267	4.706.153.479
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	226.221.840	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(632.690.642)	-
- Chi phí lãi vay	06	5.910.891.653	6.940.985.517
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.060.289.385	12.967.398.386
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	41.670.297.357	(28.353.082.230)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.586.284.278)	97.522.693.667
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	25.798.258.769	(25.481.502.809)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15.242.682.693)	(16.683.091.657)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.428.815.457)	(7.312.161.358)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.383.034.531	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.146.187.692)	(1.155.930.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.507.909.922	31.504.323.361
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(56.307.457.235)	(15.371.001.887)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.307.457.235)	(15.371.001.887)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	347.778.875.873	88.368.462.040
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(330.802.140.964)	(114.384.337.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.023.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.976.734.909	(26.029.899.141)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13.177.187.596	(9.896.577.667)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.977.130.971	13.619.980.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.154.318.567	3.723.402.605

Lập ngày 30 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 tức là Quý I của Niên độ tài chính từ 01/07/2020 đến 30/06/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2020 đến 30/09/2020, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.062.578.340	252.843.555
Tiền gửi ngân hàng	34.091.740.227	21.724.287.416
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>35.154.318.567</u>	<u>21.977.130.971</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>10.120.796.851</u>	<u>70.101.753.933</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	139.325.609.859	138.326.439.365
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	99.992.199.074	83.797.606.209
Cộng	<u>239.317.808.933</u>	<u>222.124.045.574</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CNC Lam Sơn	23.549.073.275	23.444.838.329
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	29.676.564.055	25.242.404.395
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.880	57.075.880
Các khoản phải thu khác	30.400.676.745	32.872.289.126
Cộng	<u>92.130.498.261</u>	<u>90.120.668.036</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(14.842.259.617)	(14.842.259.617)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	288.422.659	308.108.899
Nguyên liệu, vật liệu	30.983.255.379	22.371.585.642
Công cụ, dụng cụ	1.425.319.024	1.207.333.101

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.767.079.086	3.228.797.194
Thành phẩm	137.783.615.439	120.748.711.286
Hàng hóa	26.011.939.120	46.808.810.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.279.619.142)	(3.279.619.142)
Cộng	<u>199.980.011.565</u>	<u>191.393.727.287</u>
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	17.984.897.043	3.273.714.487
Cộng	<u>17.984.897.043</u>	<u>3.273.714.487</u>
8. Phải thu dài hạn khác:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	13.350.024.989	13.350.024.989
Ký quỹ dài hạn	735.000.000	1.470.000.000
Cộng	<u>14.085.024.989</u>	<u>14.820.024.989</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	538.384.739.822	2.018.356.635.043	52.275.913.475	20.493.766.732	533.389.998	2.630.044.445.072
Tăng trong kỳ	15.103.536.859	29.646.863.113	2.119.955.368	43.927.841	-	46.914.283.181
Mua sắm mới	-	5.691.408.182	-	-	-	5.691.408.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.103.536.859	23.955.454.931	2.119.955.368	43.927.841	-	41.222.874.999
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	553.488.276.681	2.048.003.498.156	54.395.868.843	20.537.694.573	533.389.998	2.676.958.728.253
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	274.700.714.776	1.276.892.021.543	48.073.795.612	20.200.179.319	390.912.340	1.620.257.623.590
Tăng trong kỳ	3.097.315.570	4.138.854.704	183.642.951	25.746.048	2.173.914	7.447.733.187
Khấu hao trong kỳ	3.097.315.570	4.138.854.704	183.642.951	25.746.048	2.173.914	7.447.733.187
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	277.798.030.346	1.281.030.876.247	48.257.438.563	20.225.925.367	393.086.254	1.627.705.356.777
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	263.684.025.046	741.464.613.500	4.202.117.863	293.587.413	142.477.660	1.009.786.821.482
Số cuối kỳ	275.690.246.335	766.972.621.909	6.138.430.280	311.769.206	140.303.746	1.049.253.371.476

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	32.195.577.517	9.303.079.718		41.498.657.235
Tăng trong kỳ do mua sắm	9.286.963.758	106.210.296		9.393.174.054
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-		-
Giảm khác				
Số cuối kỳ	41.482.541.275	9.409.290.014		50.891.831.289
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.562.560.308	9.210.439.723		10.773.000.031
Tăng trong kỳ do khấu hao	71.383.078	5.790.000		77.173.078
Khấu hao TSCĐ phúc lợi	71.383.078	5.790.000		77.173.078
Tăng do phân loại lại				
Giảm khác				
Số cuối kỳ	1.633.943.386	9.216.229.723		10.850.173.109
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	30.633.017.209	92.639.995		30.725.657.204
Số cuối kỳ	39.848.597.889	193.060.291		40.041.658.180

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ XDCB dở dang	-	-
Dự án GPMB TTCN cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án Trung tâm chế biến Nông sản TP CNC Lam Sơn	2.967.358.544	40.072.118.941
DA sinh thái tre luồng Thanh Tam	148.876.670.585	134.396.745.525
Dự án khác	27.608.999.924	57.771.543.095
Cộng	218.491.419.922	262.606.740.765

12.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2020	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	90%	90%	1.395.000	13.950.000.000
Công ty TNHH L.Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CPĐT PTL.Sơn - B.Thước	75%	100%	1.350.000	13.500.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm CNC Tâm Phú Hưng	95%	100%	1.140.000	11.400.000.000
Công ty TNHH 1TV Thành An LS	100%	100%	-	8.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2020	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH TTNC&PTNN CNC Lam Sơn	100%	100%	-	139.000.000.000
Công ty TNHH thương mại XNK Lam Sơn	100%	39,49%		9.862.396.042
Cộng				217.408.989.928

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 30/09/2018	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP ĐTPT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				36.500.000.000

12.3 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		30.000.000.000		30.000.000.000
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		5.251.145.800		5.251.145.800
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
+ Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP		2.974.645.800		2.974.645.800
Cộng		35.251.145.800		35.251.145.800

12.4 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(35.032.753.437)	(35.032.753.437)
Cộng	(35.032.753.437)	(35.032.753.437)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.105.568.156	531.500.137	-	33.637.068.293
Cộng	33.105.568.156	531.500.137	-	33.637.068.293

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	27.322.113.217	47.502.389.888
Phải trả nhà cung cấp	33.934.937.134	57.889.776.950
Cộng	<u>61.257.050.351</u>	<u>105.492.166.838</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	40.327.756.668	10.521.680.617
Cộng	<u>40.327.756.668</u>	<u>10.521.680.617</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.425.122.640	8.289.851.881
Thuế TTĐB	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	5.673.737.852	5.294.973.315
Thuế TNCN	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Thuế khác	-	-
Cộng	<u>10.098.860.492</u>	<u>13.584.825.196</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Nghen mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Còn, điện	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2020/2021:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.030.960.267
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	785.765.399
- Các khoản điều chỉnh tăng	785.765.399
- Các khoản điều chỉnh giảm	291.628.751

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PTKHCN	2.525.096.915
Trích lập quỹ PT KHCN (Từ 01/07/2020-30/09/2020)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trích lập quỹ KHCN	2.030.960.267
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN	2.525.096.915
Thuế TNDN hiện hành	378.764.537
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.652.195.730

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	414.722.639	-
Chi phí thu mua mía	2.571.898.827	-
Chi phí phải trả khác	14.788.585.986	7.064.402.937
Cộng	17.775.207.452	7.064.402.937

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	2.369.769.555	1.724.422.916
Kinh phí công đoàn	2.026.963.146	1.847.733.346
Hoàn ứng	313.814.320	287.999.202
Các khoản phải trả khác	4.440.780.491	9.666.211.597
Cộng	9.151.327.512	13.526.367.061

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	10.000.000.000	-
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	423.927.125.873	416.950.390.964
Vay dài hạn đến hạn trả	958.287.500	1.916.625.000
Cộng	434.885.413.373	418.867.015.964

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay PS trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH	416.950.390.964	337.778.875.873	330.802.140.964	423.927.125.873
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.916.625.000	-	958.337.500	958.237.500
Cộng	418.867.015.964	347.778.875.873	331.760.478.464	434.885.413.373

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.399.146.013	1.636.339.013
Quỹ phúc lợi	(1.202.004.190)	(705.312.986)
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
Cộng	197.141.823	931.026.027

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	2.735.000.000	3.470.000.000
Cộng	2.735.000.000	3.470.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay Công Đoàn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Vay Ngân hàng ACB	1.470.000.000	-	735.000.000	735.000.000
Cộng	3.470.000.000	-	735.000.000	2.735.000.000

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MIA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	575.358.962.809	-	44.583.488.964
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							24.760.816.576
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi							(2.365.447.843)
Trích lập các quỹ					2.365.447.843		(2.365.447.843)
Chia cổ tức năm nay							--
Các khoản khác							(14.218.633)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	577.724.410.652	-	64.599.191.221
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	577.724.410.652	-	64.599.191.221
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							1.652.195.754
Lợi nhuận năm trước							-
Trích lập các quỹ							-
Chia cổ tức năm trước							-
Chia cổ tức năm nay							-
Các khoản khác							-
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	577.724.410.652	-	66.251.386.975

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	880.176.411.784	880.176.411.784

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.994.950	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

22. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	5.340.121.039
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	4.403.800.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	-
Chi sự nghiệp	(1.116.757.740)
Giảm khác (Nguồn KP được quyết toán và giảm khác)	-
Số cuối kỳ	8.627.163.299

23. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	22.791.118.534
Nguồn kinh phí tăng trong kỳ	-
Giảm khác	-
Khấu hao trong kỳ	(653.726.529)
Số cuối kỳ	22.137.392.05

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	136.181.610.698	188.237.245.405
Doanh thu bán hàng hóa	69.909.818	278.592.000
Doanh thu bán thành phẩm	134.866.646.696	185.469.042.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.245.054.184	2.489.610.970
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	-
Doanh thu thuần	136.181.610.698	188.237.245.405
Doanh thu bán hàng hóa	69.909.818	278.592.000
Doanh thu bán thành phẩm	134.866.646.696	185.469.042.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.245.054.184	2.489.610.970

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	19.764.591	278.592.000
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	115.971.743.378	167.418.520.873
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	423.220.502	1.254.898.681
Cộng	116.414.728.471	168.952.011.554

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	8.765.065	11.809.693
Lãi tiền cho vay	11.933.525	269.440.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.912.000	2.793.000
Lãi đầu tư	612.493.151	-
Cộng	634.170.216	284.042.931

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.982.578.944	6.940.985.517
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗi tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	239.133.840	-
Chiết khấu thanh toán	-	-
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	-
Chi phí khác	257.753	244.448.812
Cộng	6.221.970.537	7.185.434.329

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.842.419.527	873.808.104
Chi phí vật liệu, bao bì	202.022.006	347.594.872
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.088.000	26.333.499
Chi phí khấu hao TSCĐ	719.132.840	582.611.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.870.682	250.731.290
Chi phí bằng tiền khác	1.604.346.435	2.047.401.459
Cộng	6.277.879.490	4.128.480.811

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.524.477.089	2.370.872.906
Chi phí vật liệu quản lý	4.850.000	63.250.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.665.455	24.413.699
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.075.868.595	1.350.329.697
Thuế, phí và lệ phí	14.320.182	322.621.275
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	102.075.000
Chi phí bằng tiền khác	2.367.513.432	2.680.576.156
Cộng	5.043.694.753	6.914.138.733

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán vật tư, phế liệu	-	-
Các khoản khác	16.767.900	17.360.962
Cộng	16.767.900	17.360.962

8. Chi phí khác

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	843.315.296	38.324.481
Cộng	843.315.296	38.324.481

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý I/2020-2021	1.091.698.864
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
		Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	26,48	29,96
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	73,52	70,04
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,48	28,00
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,11	72,00
Khả năng thanh toán		Năm nay	Năm trước
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,28	3,57
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1	1,19

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,06	0,01
Tỷ suất sinh lời từ 01/07/2020 đến 30/09/2020:		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	0,015	0,70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	0,012	0,60
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	0,01	0,70
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	0,01	0,06

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2020 đến 30/09/2020, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 136.181.610.698 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 131.376.555.324 đồng chiếm tỷ trọng 96% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 4%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng 4% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	1.016.243.195	583.277.834
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	-	1.332.795.035
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	159.327.810	358.840.265
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	4.368.000.000	230.380.952

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
Trả trước cho người bán			

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	5.048.597.347	4.909.849.582
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	26.130.812.179	28.863.282.178
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	4.723.602.763	4.571.779.807
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH thực phẩm CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	29.676.564.055	11.867.961.485
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	23.549.073.275	16.616.051.751
Phải thu dài hạn khác			
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	13.350.024.989	13.688.871.389
Phải trả dài hạn khác			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	858.313.943	858.313.943

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Giai đoạn từ ngày 01/07/2020 đến 30/09/2020) đạt 1.652.195.730 đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2019/2020 (Giai đoạn từ 01/07/2019 đến 30/09/2019), là do các nguyên nhân sau:

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/07 đến 30/06		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.181	188.237	-27,65
2	Giá vốn hàng bán	116.414	168.952	-31,10
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.766	19.285	2,50
4	Doanh thu hoạt động tài chính	634	284	123,27
5	Chi phí bán hàng	6.277	4.128	52,06
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.043	6.914	-27,05
7	Thu nhập khác	16	17	-3,42
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.030	1.320	53,83

Nguyên nhân :

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I kết thúc ngày 30/09/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận kế toán trước thuế quý I năm 2020/2021 đạt 2.030 triệu đồng, tăng 53,83% so với cùng kỳ quý I năm 2019/2020.
- Doanh thu của quý I kết thúc ngày 30/09/2020 giảm so với cùng kỳ là 27,65%; đồng thời giá vốn cũng giảm 31,10%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng vượt trội 123,27%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 27,05%; thu nhập khác cũng giảm 3,4% và chi phí bán hàng tăng 52,06%.

Trong khi doanh thu thuần bị giảm thì doanh thu hoạt động tài chính lại tăng đáng kể, và các chi phí khác tăng giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

